|  |  |
| --- | --- |
|  | **Mẫu số 2-PNT**  *(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)* |

**BÁO CÁO**

**Doanh thu phí bảo hiểm**

Tên doanh nghiệp bảo hiểm/Chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài:

Báo cáo quý (năm): ……………. từ ngày 01/…./……... đến ngày ……./……./………

*Đơn vị: Triệu đồng*

| **STT** | **Nghiệp vụ bảo hiểm** | **Phí bảo hiểm gốc (sau khi đã trừ hoàn phí, giảm phí bảo hiểm)** | **Nhận tái bảo hiểm**  **(sau khi đã trừ giảm phí, hoàn phí nhận tái bảo hiểm)** | | **Nhượng tái bảo hiểm**  **(sau khi đã trừ giảm phí, hoàn phí nhận tái bảo hiểm)** | | **Phí bảo hiểm giữ lại** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Trong nước** | **Ngoài nước** | **Trong nước** | **Ngoài nước** |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** | **(8)= (3)+ (4)+(5)-(6)-(7)** |
| **A** | ***Bảo hiểm sức khỏe*** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Bảo hiểm sức khỏe, thân thể |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Bảo hiểm chi phí y tế |  |  |  |  |  |  |
| **B** | ***Bảo hiểm phi nhân thọ*** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Bảo hiểm tài sản (=1a+1b): |  |  |  |  |  |  |
| *1a. Bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian xây dựng* |  |  |  |  |  |  |
| *1b. Bảo hiểm tài sản khác* |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Bảo hiểm hàng không |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Bảo hiểm xe cơ giới (=4a+4b+4c): |  |  |  |  |  |  |
| *4a.* *Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới:* |  |  |  |  |  |  |
| *- Mô tô, xe gắn máy và các loại xe cơ giới tương tự* |  |  |  |  |  |  |
| *- Ô tô* |  |  |  |  |  |  |
| *4b. Bảo hiểm vật chất xe cơ giới* |  |  |  |  |  |  |
| *4c. Bảo hiểm trách nhiệm dân sự khác của chủ xe cơ giới* |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Bảo hiểm cháy, nổ (=5a+5b): |  |  |  |  |  |  |
| *5a. Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc* |  |  |  |  |  |  |
| *5b. Bảo hiểm cháy, nổ khác* |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Bảo hiểm trách nhiệm (=7a+7b+7c+7d): |  |  |  |  |  |  |
| *7a. Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng* |  |  |  |  |  |  |
| *7b. Bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động thi công trên công trường* |  |  |  |  |  |  |
| *7c. Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của nhà thầu thi công xây dựng đối với người thứ ba* |  |  |  |  |  |  |
| *7d. Bảo hiểm trách nhiệm khác* |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính |  |  |  |  |  |  |
| 9 | Bảo hiểm nông nghiệp |  |  |  |  |  |  |
| 10 | Bảo hiểm bảo lãnh |  |  |  |  |  |  |
| 11 | Bảo hiểm thiệt hại khác |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng [(A)+(B)]** |  |  |  |  |  |  |
| **C** | **Bảo hiểm xanh (áp dụng đối với báo cáo năm)** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Bảo hiểm trách nhiệm ô nhiễm môi trường đối với các ngành có rủi ro môi trường cao |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Bảo hiểm rủi ro khí hậu |  |  |  |  |  |  |
| 3 | **…** |  |  |  |  |  |  |

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP BIỂU**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | *…..., ngày …. tháng …. năm…...*  **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  *(Ký, ghhi rõ họ tên và đóng dấu)* |

Ghi chú:

- Số tại thời điểm báo cáo là số lũy kế từ đầu năm.

- Đối với báo cáo năm, đề nghị các doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài báo cáo thêm số liệu về bảo hiểm xanh tại mục C.

Bảo hiểm xanh bao gồm các sản phẩm bảo hiểm xanh nhằm bảo hiểm trách nhiệm ô nhiễm môi trường đối với các ngành có rủi ro môi trường cao; các sản phẩm bảo hiểm rủi ro khí hậu theo Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 và Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030 ban hành kèm theo theo Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ.